

weber.tai vis



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng thông thường (C1)	
Thành phần	Xi măng poocăng Thành phần đá khoáng Thành phần hữu cơ	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001 Độ bám dính cao	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C1)	Kết quả weber.tai vis
Thời gian mở*	–	15 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	5 phút
Thời gian công tác*	–	2 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	$\geq 0.5 \text{ N/mm}^2$	0.94 N/mm^2
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	$\geq 0.5 \text{ N/mm}^2$	0.99 N/mm^2
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	$\geq 0.5 \text{ N/mm}^2$ Sau ít nhất 20 phút	1.03 N/mm^2
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vữa cán nền, vữa trát), bề mặt bê tông	
Gạch/đá	Gạch hút nước/ gạch ceramic Với độ hút nước >3%	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất ở khu vực khô ráo Nền ngoại thất (khu vực ít lưu thông)	
Độ dày	2 - 6 mm.	

*ở nhiệt độ = 25 ÷ 30°C

** ở nhiệt độ = 23 ± 2°C, độ ẩm = 50 ± 5%

weber.tai cem



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng thông thường (C1)	
Thành phần	Xi măng pooc lăng Thành phần đá khoáng Thành phần hữu cơ	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EU 12004 : 2001 Độ bám dính cao	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C1)	Kết quả weber.tai cem
Thời gian mở*	–	20 – 25 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	10 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	≥0.5 N/mm ²	1.03 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	≥0.5 N/mm ²	1.09 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	0.74 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vữa cán nền, vữa trát), bề mặt bê tông	
Gạch/đá	Gạch hút nước/ gạch ceramic, gạch ít hút nước có độ hút nước từ > 0.5% đến < 3%	
Khu vực áp dụng	Tường/ nền nội thất Nền ngoại thất Tường ngoại thất cao không quá 8m, tốt nhất dùng cho gạch có kích thước dưới 500 cm ²	
Độ dày	2-6 mm.	

* ở nhiệt độ= 25 ÷ 30°C

**ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm= 50 ± 5%

weber.tai fix



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng thông thường (C1T)	
Thành phần	Xi măng pooc lăng Thành phần đá khoáng Thành phần hữu cơ	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 và tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001 Độ bám dính cao và có khả năng chống trượt	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C1T)	Kết quả weber.tai fix
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	15 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	≥0.5 N/mm ²	1.29 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	≥0.5 N/mm ²	1.51 N/mm ²
Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt ISO 13007 mục 2-4.4.4.4 hoặc (EN 1348-8.4)	≥0.5 N/mm ²	0.61 N/mm ²
Cường độ bám dính khi kéo sau chu kì đóng băng và tan băng ISO 13007 mục 2-4.4.4.5 hoặc (EN 1348-8.5)	≥0.5 N/mm ²	≥0.5 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	1.62 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vừa cán nền, vừa trát), bề mặt bê tông Bề mặt vữa tự làm phẳng	
Gạch/đá	Gạch hút nước và gạch ít hút nước	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất Nền ngoại thất Tường ngoại thất có độ cao ≤ 8m. tốt nhất dùng cho gạch có kích thước nhỏ hơn 3600cm ²	
Độ dày	2 - 10 mm.	

*ở nhiệt độ= 25 ÷ 30°C

** ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm = 50 ± 5%

weber.tai gres



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng chất lượng cao (C2)	
Thành phần	Xi măng pooc lăng Thành phần hữu cơ	Thành phần đá khoáng Chất tạo keo gốc polymer
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001 Chuyên dùng cho khu vực hồ bơi	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C2T)	Kết quả weber.tai gres
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	15 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	$\geq 1 \text{ N/mm}^2$	2.1 N/mm^2
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	$\geq 1 \text{ N/mm}^2$	1.9 N/mm^2
Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt ISO 13007 mục 2-4.4.4.4 hoặc (EN 1348-8.4)	$\geq 1 \text{ N/mm}^2$	1.14 N/mm^2
Cường độ bám dính khi kéo sau chu kì đóng băng và tan băng ISO 13007 mục 2-4.4.4.5 hoặc (EN 1348-8.5)	$\geq 1 \text{ N/mm}^2$	$\geq 1 \text{ N/mm}^2$
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	$\geq 0.5 \text{ N/mm}^2$ Sau ít nhất 20 phút	2.0 N/mm^2
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vữa cán nền, vữa trát), bề mặt gạch cũ khu vực nội thất, bề mặt xi măng được đánh bóng, bề mặt sơn	
Gạch/đá	Gạch ít hút nước và gạch không hút nước Gạch có kích thước lớn	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất - Nền ngoại thất - Tường ngoại thất có độ cao $\leq 8\text{m}$. tốt nhất dùng cho gạch có kích thước nhỏ hơn 3600cm^2 - Khu vực hồ bơi	
Độ dày	2-10 mm.	

*ở nhiệt độ= 25 ± 30°C

** ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm= 50 ± 5%

weber.tai 2-in-1



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng chất lượng cao (C2)	
Thành phần	Xi măng pooc lăng Thành phần đá khoáng Thành phần hữu cơ Chất tạo keo	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EU 12004 : 2001 Chuyên dùng dán gạch và có khả năng chống thấm nước	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C2T)	Kết quả weber.tai 2-in-1
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	15 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	≥1 N/mm ²	1.7 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	≥0.5 N/mm ²	1.1 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vữa cán nền, vữa trát) - bề mặt xi măng được đánh bóng, bề mặt sơn - bề mặt gạch cũ (khu vực nội thất)	
Gạch/đá	Tất cả các loại gạch: gạch ceramic, gạch đá granit, gạch granito, đá tự nhiên, gạch mosaics ...	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất Chuyên dùng trong phòng tắm và nhà bếp Nền ngoại thất Tường ngoại thất có chiều cao ≤ 8m. Tốt nhất dùng cho gạch có kích thước không quá 3600 cm ²	
Độ dày	2- 10 mm.	

*ở nhiệt độ= 25 ± 30°C

** ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm = 50 ± 5%

weber.tai maxx



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng chất lượng cao (C2)	
Thành phần	Xi măng poocăng Thành phần đá khoáng Thành phần hữu cơ Chất tạo keo gốc polymer	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001 Lý tưởng dùng dán gạch nhẹ mà không cần vữa tô tường Không gây bụi, tiết kiệm chi phí và chất lượng cao	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C2T)	Kết quả weber.tai maxx
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	15 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	≥1 N/mm ²	1.5 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	≥1 N/mm ²	1.2 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt gạch nhẹ - Bề mặt xi măng (vữa cán nền, vữa trát) Bề mặt xi măng được đánh bóng - Bề mặt sơn - Bề mặt gạch cũ khu vực nội thất	
Gạch/đá	Tất cả các loại gạch: gạch ceramic, gạch đá granit, gạch granito, đá tự nhiên, gạch mosaics ...	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất Có thể dùng trong khu vực spa, phòng xông hơi Nền ngoại thất Tường ngoại thất có chiều cao ≤ 8m. Tốt nhất dùng cho gạch có kích thước không quá 3600 cm ²	
Độ dày	2-10 mm.	

*ở nhiệt độ= 25 ÷ 30°C



Phân loại	Keo dán gạch gốc xi măng chất lượng cao (C2)	
Thành phần	Xi măng poocăng Thành phần hữu cơ	Thành phần đá khoáng Chất tạo keo gốc polymer
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001 - Chuyên dùng trong khu vực ngoài trời	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (C2S ₂)	Kết quả weber.tai flex
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	15 phút
Thời gian công tác*	–	4 giờ
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.4.4.2 hoặc (EN 1348 – 8.2)	≥1 N/mm ²	1.98 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.4.4.3 hoặc (EN 1348-8.3)	≥1 N/mm ²	1.42 N/mm ²
Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt ISO 13007 mục 2-4.4.4.4 hoặc (EN 1348-8.4)	≥1 N/mm ²	1.28 N/mm ²
Cường độ bám dính khi kéo sau chu kỳ đóng băng và tan băng ISO 13007 mục 2-4.4.4.5 hoặc (EN 1348-8.5)	≥1 N/mm ²	≥1 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	2.18 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt xi măng (vừa cán nền, vừa trát) - bề mặt gạch cũ khu vực nội thất – bề mặt xi măng được đánh bóng - bề mặt sơn	
Gạch/đá	Gạch ít hút nước và gạch hầu như không hút nước	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất – nền ngoại thất – tường ngoại thất có chiều cao bất kì dùng cho gạch có kích thước ≤ 900 cm ² Tường ngoại thất cao ≤ 28m dùng cho gạch có kích thước dưới 1600 cm ² - Tường ngoại thất cao ≤ 8m dùng cho gạch có kích thước dưới 3600 cm ²	
Độ dày	2- 10 mm.	

* ở nhiệt độ = 25 ± 30°C

** ở nhiệt độ = 23 ± 2°C, độ ẩm = 50 ± 5%

weber.fix pro



Phân loại	Keo phân tán thông thường (D1)	
Thành phần	Hỗn hợp styrene/acrylic dạng nhũ tương, chất độn khoáng, và một lượng nhỏ hợp chất hữu cơ, bao gồm thành phần kháng khuẩn	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (D1)	Kết quả weber.fix pro
Thời gian mở*	–	20 – 30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	10 – 15 phút
Thời gian công tác*	–	30 phút
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2 – 4.3.4 hoặc (EN 1324 – 7.2)	≥1.0 N/mm ²	2.20 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2 – 4.3.6 hoặc (EN 1324 – 7.4)	≥1.0 N/mm ²	2.80 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	0.85 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt nền xi măng, bề mặt sơn, bề mặt được đánh bóng Tấm thạch cao, tấm sợi thạch cao Tấm gỗ dán, tấm sợi xi măng Bề mặt tường ốp gạch cũ	
Gạch/đá	Dùng cho tất cả các loại gạch có kích thước nhỏ và trung bình	
Khu vực áp dụng	Tường nội thất ở khu vực khô ráo	
Độ dày	0.5 - 4 mm.	

* ở nhiệt độ = 25 ÷ 30°C

** ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm= 50 ± 5%

weber.fix plus



Phân loại	Keo phân tán chất lượng cao (D2)	
Thành phần	Hỗn hợp styrene/acrylic dạng nhũ tương, chất độn khoáng, và một lượng nhỏ hợp chất hữu cơ, bao gồm thành phần kháng khuẩn	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EN 12004 : 2001	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (D2)	Kết quả weber.fix plus
Thời gian mở*	–	20 – 30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	10 – 15 phút
Thời gian công tác*	–	30 phút
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2 – 4.3.4 hoặc (EN 1324 – 7.2)	≥1.0 N/mm ²	3.30 N/mm ²
Cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt ISO 13007 mục 2 – 4.3.6 hoặc (EN 1324 – 7.4)	≥1.0 N/mm ²	3.60 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2 – 4.3.5 hoặc (EN 1324 – 7.3)	≥0.5 N/mm ²	0.65 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo** ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	1.10 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt nền xi măng, bề mặt sơn, bề mặt được đánh bóng Tấm thạch cao, tấm sợi thạch cao Tấm gỗ dán, tấm sợi xi măng Bề mặt tường ốp gạch cũ	
Gạch/đá	Dùng cho tất cả các loại gạch có kích thước nhỏ và trung bình	
Khu vực áp dụng	Tường nội thất ở khu vực khô ráo và ẩm ướt	
Độ dày	0.5- 4 mm.	

*ở nhiệt độ = 25 ± 30°C

** ở nhiệt độ=23 ± 2°C, độ ẩm= 50 ± 5%



Phân loại	Keo dán gạch/vữa chít mạch gốc nhựa phản ứng chất lượng cao	
Thành phần	Hợp chất keo, hợp chất làm cứng Chất độn khoáng và các hợp chất khác	
Đặc trưng	Tuân theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 13007 and tiêu chuẩn Châu Âu EU 12004 : 2001 Keo dán gạch và chà ron cao cấp gốc epoxy, bền vững theo thời gian	
Phương pháp thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 13007) và tiêu chuẩn Châu Âu (EN 12004:2001)	Tiêu chuẩn (R2T)	Kết quả weber.color poxy
Thời gian mở*	–	20-30 phút
Thời gian điều chỉnh*	–	10-15 phút
Thời gian công tác*	–	30-50 phút
Cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.3.4 hoặc (EN 12003 – 7.3)	≥2 N/mm ²	8.4 N/mm ²
Cường độ bám dính sau khi ngâm nước ISO 13007 mục 2-4.3.5 hoặc (EN 12003-7.4)	≥2 N/mm ²	7.4 N/mm ²
Cường độ bám dính khi cắt sau khi sốc nhiệt ISO 13007 mục 2-4.3.8 hoặc (EN 12003-7.5)	≥2 N/mm ²	9.9 N/mm ²
Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo ISO 13007 mục 2-4.1 hoặc (EN 1346)	≥0.5 N/mm ² Sau ít nhất 20 phút	4.2 N/mm ²
Bề mặt nền	Bề mặt sơn, bề mặt được đánh bóng – bề mặt gạch cũ (nội và ngoại thất) - Tấm thạch cao, Tấm gỗ dán, tấm gỗ xi măng, tấm sợi xi măng. Tấm kim loại Metalsheet, Polyester, Metal, Alluminium	
Gạch/đá	Gạch ít hút nước và gạch không hút nước	
Khu vực áp dụng	Tường và nền nội thất – nền ngoại thất – tường ngoại thất có chiều cao bất kì dùng cho gạch có kích thước ≤ 900 cm ² Tường ngoại thất cao ≤ 28m dùng cho gạch có kích thước dưới 1600 cm ² - Tường ngoại thất cao ≤ 8m dùng cho gạch có kích thước dưới 3600 cm ²	
Độ dày	2 -10 mm.	

*ở nhiệt độ = 25 ÷ 30°C